TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày: 02- 3 - 2020
V/v: "*Tranh chấp yêu cầu công nhận di chúc thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Hôm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền
2. Ông Nguyễn Văn Mẫn

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 02 và ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2011/TLST - DS, ngày 10 tháng 8 năm 2011 về việc "*Tranh chấp yêu cầu công nhận di chúc thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68A/2019/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phạm Thanh H(tên gọi khác là Tám Tùng), sinh năm: 1951; địa chỉ cư trú: Ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị Ng, sinh năm: 1948 (vắng mặt)

2.2. Anh Phạm Hoàng c, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

2.3. Anh Phạm Thành C, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

2.4. Anh Phạm Sự T, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

*3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:*

3.1. Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1962; địa chỉ cư trú: Ấp Bùi Thị Thêm, xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

3.2. Bà Phạm Thị Kim A, sinh năm: 1949; địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

3.3. Bà Phạm Thị Kim Em, sinh năm: 1950; địa chỉ cư trú: ấp Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (đã chết)

3.4. Bà Phạm Thị T(tên gọi khác là Thọ), sinh năm: 1945; địa chỉ cư trú: Ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

3.5. Bà Phạm Thị Triệu (tên gọi khác là Ba), sinh năm: 1950; địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3.6. Ông Phạm Văn Ng, sinh năm: 1950; địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (đã chết)

3.7. Bà Phạm Thị b, sinh năm: 1950; địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Lộc, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (đã chết).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2011, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 30/7/2015, ngày 20/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Phạm Thanh Htrình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Trương Thị B(chết năm 2007) đứng tên gồm thửa đất ruộng số 287, diện tích 9.430m^2 và thửa đất vườn số 293, diện tích 5.073m^2 thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0721725 cấp ngày 20/10/1995 hiện nay ông Hùng đang cất giữ. Vào năm 1999 ông và bà Ngỡi được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng giải quyết ly hôn, bà Ngỡi nuôi ba người con là Phạm Hoàng Có, Phạm Thành Công và Phạm Sự Thật, ông Hùng cấp dưỡng 15 (mười lăm) chỉ vàng 24k để bà Ngỡi tiếp tục nuôi con, nhưng đến năm 2006 thì bà Ngỡi và các con đã đến bao chiếm hết hai thửa đất trên, nhà cửa và toàn bộ vật dụng tài sản trong nhà, đốn cây trồng của ông nhiều lần tổng giá trị là 881.420.000 đồng (tám trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng), làm ông thiệt hại do không được canh tác trên hai diện tích đất từ năm 2006 cho đến nay đối với đất ruộng là 39 (ba mươi chín) chỉ vàng 24k, và đối với đất thổ vườn là 21 (hai mươi mốt) chỉ vàng 24k, tổng cộng là 60 (sáu mươi) chỉ vàng 24k.

Trước khi bà Ngỡi và các con đến bao chiếm đất, tài sản, nhà cửa và đốn phá cây của gia đình ông thì bà Trương Thị Bcòn sống đã lập tờ di chúc ngày 28/10/2007 để lại cho ông được thừa kế tài sản gồm nhà, tài sản, thửa đất ruộng số 287, diện tích 9.430m^2 và thửa đất vườn số 293, diện tích 5.073m^2 thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nhưng bà Ngỡi và các con của bà vẫn bao chiếm sử dụng cho đến nay .

Nay ông Hùng khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

1. Công nhận tờ di chúc của bà Trương Thị Blập ngày 28/10/2007 để lại cho ông thừa kế gồm nhà, tài sản, thửa đất ruộng số 287, diện tích 9.430m^2 và thửa đất vườn số 293, diện tích 5.073m^2 thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang do bà Bảy đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0721725 cấp ngày 20/10/1995.

2. Yêu cầu Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C và Anh Phạm Sự T phải bồi thường thiệt hại gồm:

- Thiệt hại do không được canh tác trên đất ruộng thửa đất số 287, diện tích 9.430m^2 từ năm 2006 đến nay là 39 (ba mươi chín) chỉ vàng 24k.

Thiệt hại do không được canh tác trên đất vườn thửa đất số 293, diện tích 5.073m^2 từ năm 2006 đến nay là 21 (hai mươi mốt) chỉ vàng 24k.

Tổng cộng là 60 (sáu mươi) chỉ vàng 24k

- Thiệt hại do bà Ngỡi và các con đốn cây nhiều lần từ năm 2006 đến có tổng giá trị là 881.420.000 đồng (tám trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

3.Yêu cầu bà Ngỡi và các con phải tháo dỡ nhà đi nơi khác trả lại diện tích đất trên lại cho ông.

Đến ngày 30 tháng 7 năm 2015, ông Hùng có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu công nhận tờ di chúc bà Bảy lập ngày 28/10/2007 cho ông, ông không tiếp tục yêu cầu bà Ngỡi và các con phải bồi thường thiệt hại số tiền là 881.420.000 đồng (tám trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Nay ông chỉ yêu cầu bà Ngỡi và các con tháo dỡ nhà đi nơi khác trả lại thửa đất ruộng số 287, diện tích 9.430m^2 và thửa đất vườn số 293, diện tích 5.073m^2 thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, ông Hùng yêu cầu bà Ngỡi và các con bồi thường mất thu nhập trên hai thửa đất trên tổng cộng là 100 (một trăm) chỉ vàng 24k.

Đến ngày 20 tháng 11 năm 2017, ông Hùng tiếp tục làm đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án công nhận tờ di chúc bà Bảy lập ngày 28/10/2007 cho ông, ông Hùng đồng ý giao lại hai thửa đất trên và tài sản trên đất cho bà Ngỡi và các con. Nay ông yêu cầu bà Ngỡi và các con trả lại giá trị theo giá thị trường đối với hai thửa đất trên là 220 (hai trăm hai mươi) chỉ vàng 24k, yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập từ hai thửa đất trên từ năm 2006 đến nay là 121 (một trăm hai mươi mốt) chỉ vàng 24k.

Bị đơn bà Ngỡi, anh Có, anh Công, anh Thật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các bị đơn nhưng bà Ngỡi, anh Công, anh Có, anh Thật cố tình vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của phía bị đơn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2018 bà Ngỡi trình bày nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Trương Thị B(chết) trước đây là để cho các con của bà là Phạm Hoàng Có, Phạm

Thành Công và Phạm Sự Thật. Đối với phần đất thổ vườn thì bà Bảy để lại cho bà và các con vì từ trước đến nay bà và các con cùng chung sống với bà Bảy, hiện nay vẫn thờ cúng bà Bảy. Ông Hùng cũng đã được bà Bảy chia đất và đã chuyển nhượng cho người khác hết. Nay ông Hùng khởi kiện yêu cầu bà và các con trả lại giá trị đất là 220 (hai trăm hai mươi) chỉ vàng 24k, bồi thường mất thu nhập trên đất là 121 (một trăm hai mươi mốt) chỉ vàng 24k thì bà không đồng ý vì đây là tài sản bà Bảy để lại cho bà và các con của bà. Nay bà Ngỡi yêu cầu công nhận hai diện tích đất hiện tranh chấp là tài sản thuộc quyền sử dụng của bà và các con của bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Tuyết Nhung trình bày: Nay ông Hùng và bà Ngỡi tranh chấp với nhau thì bà không có ý kiến gì đối với phần đất trên mà bà để lại cho ông Hùng toàn quyền quyết định vì phần đất tranh chấp trên khi bà Bảy còn sống đã cho lại ông Hùng nên bà không yêu cầu chia và cũng không tranh chấp gì.

Bà Phạm Thị Triệu trình bày: Nay ông Hùng và bà Ngỡi tranh chấp với nhau thì bà không có ý kiến và yêu cầu gì, đối với phần đất trên bà đề nghị để lại cho các con của ông Hùng là Phạm Thành Công, Phạm Hoàng Có, Phạm Sự Thật được quyền thừa hưởng sử dụng, bà không yêu cầu chia và cũng không tranh chấp gì.

Bà Phạm Thị Anh trình bày: Nay ông Hùng và bà Ngỡi tranh chấp với nhau thì bà không có ý kiến gì, đối với phần đất trên bà không yêu cầu chia và cũng không tranh chấp gì.

Bà Phạm Thị Ttrình bày: Nay ông Hùng và bà Ngỡi tranh chấp với nhau thì bà không có ý kiến gì, đối với phần đất trên bà không yêu cầu chia và cũng không tranh chấp gì.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng và nội dung của của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng theo quy định, đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định pháp luật. Tuy nhiên cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chậm gửi hồ sơ cho Viện Kiểm Sát.

Về nội dung: Dựa trên những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát Đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Phạm Thanh Hđối với bị đơn Bà Lê Thị Ng và Anh Phạm Thành C, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Sự T.

- Công nhận tờ di chúc bà Trương Thị Blập ngày 28/10/2007 cho Ông Phạm Thanh Hthừa kế tài sản gồm: Thửa số 293, diện tích theo đo đạc thực tế là 4.100m2; thửa số 287, diện tích theo đo đạc thực tế là 8.215m2, tờ bản đồ số 07 và gồm thửa không tranh chấp là thửa 288, tờ ban 3đồ số 07, phần còn lại của diện tích 7.540m^2 do năm 2002 bà Bảy chuyển nhượng cho ông Trương Văn Tính 4.243m^2, thuộc thửa 288a được đánh biến động theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Bảy đứng tên.

- Buộc Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T hoàn trả giá trị hai thửa đất số 287 và 293 cho Ông Phạm Thanh Hsố tiền theo chứng thư thẩm định.

- Buộc Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T bồi thường thiệt hại mất thu nhập trên hai thửa đất số 287 và 293 cho Ông Phạm Thanh Htừ năm 2008 cho đến nay theo giá thuê đất là 2.500.00 đồng/công/năm.

- Giao cho Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T được quyền sử dụng thửa đất 287, diện tích đất ruộng 9.430m^2 và thửa đất 293, diện tích đất vườn 5.073m^2 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch và chi phí tố tụng chi phí đo vẽ và thẩm định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Hùng và bà Ngỡi, anh Có, anh Công, anh Thật là "Tranh chấp yêu cầu công nhận di chúc thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại". Cụ thể là ông Hùng yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết công nhận tờ di chúc của bà Trương Thị Blập ngày 28/10/2007, yêu cầu bà Ngỡi, anh Công, anh Có, anh Thật trả lại giá trị theo giá thị trường đối với hai thửa đất 287, 293 là 220 (hai trăm hai mươi) chỉ vàng 24k và yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập từ hai thửa đất trên từ năm 2006 đến nay là 121 (một trăm hai mươi mốt) chỉ vàng 24k. Nên quan hệ tranh chấp trên được quy định tại khoản 5, 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Ngỡi, anh Công, anh Có, anh Thật có cùng nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và diện tích đất mà hai bên tranh chấp tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn bà Ngỡi, anh Công, anh Có, anh Thật, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tú, bà Triệu đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đối với bà Nhung, bà Kim Anh có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung tranh chấp:

Vào năm 2007 bà Trương Thị Bđã lập tờ di chúc ngày 28/10/2007 để lại cho ông Hùng được thừa kế gồm nhà, tài sản, đất ruộng diện tích 9.430m^2, đất vườn diện tích 5.073m^2. Nguồn gốc đất tranh chấp do bà Bảy (chết năm 2007) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 287, diện tích 9.430m^2 và thửa 293, diện tích 5.073m^2 (gồm thửa không tranh chấp là thửa 288, phần diện tích còn lại của tổng diện tích 7.540m^2 do năm 2002 bà Bảy đã chuyển nhượng cho ông Trương Văn Tính diện tích 4.243m^2, thuộc thửa 288a được đánh biến động theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Bảy đứng tên) số D0721725 cấp ngày 20/10/1995 đất tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Ông Hùng cho rằng sau khi ông và bà Ngỡi ly hôn thì đến năm 2006 bà Ngỡi và các con đã đến bao chiếm hết tài sản là hai thửa đất trên, nhà cửa và toàn bộ vật dụng tài sản trong nhà, đốn cây trồng của ông nhiều lần tổng giá trị là 881.420.000 đồng (tám trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng), làm ông thiệt hại do không được canh tác trên hai diện tích đất từ năm 2006 cho đến nay tổng cộng là 60 (sáu mươi) chỉ vàng 24k. Nay ông Hùng yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết công nhận tờ di chúc bà Trương Thị Blập ngày 28/10/2007 cho ông, ông Hùng đồng ý giao lại hai thửa đất số 287, 293 cho bà Ngỡi và các con đồng thời bà Ngỡi và các con phải trả lại cho ông giá trị hai thửa đất theo giá thị trường là 220 (hai trăm hai mươi) chỉ vàng 24k, yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập từ hai thửa đất trên từ năm 2006 đến nay là 121 (một trăm hai mươi mốt) chỉ vàng 24k.

Còn bà Ngỡi, anh Có, anh Công và anh Thật bao chiếm thửa đất 287, diện tích 9.430m^2 và thửa 293, diện tích 5.073m^2 không đồng ý giao trả lại cho ông Hùng nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/9/2014 và trích đo địa chính số: TĐ 4213- 2014(293-07) và TĐ 4212- 2014(287-07) ngày 04/11/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Kiên Giang - chi nhánh huyện Giồng Riềng thì phần diện tích đất tranh chấp giữa ông Hùng và bà Ngỡi, anh Công, anh Có, anh Thật như sau:

* Thửa đất số 293, diện tích 5.073m^2, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; diện tích theo đo đạc thực tế là 4.100m^2 có vị trí và số đo các cạnh cụ thể nh- sau: (có sơ đồ kèm theo)

+ Cạnh 1-2 giáp với đất bà Phạm Thị Ba (Triệu) có số đo 63,50m;

+ Cạnh 2-3 giáp với đất bà Lê Kim Em và Phạm Thanh Hùng có số đo 66,40m;

+ Cạnh 3-4 giáp đất ông Trương Văn Tính có số đo 62,00m;

+ Cạnh 1-4 giáp Kênh Ngọc Sáu Đa có số đo 64,50m;

* Thửa đất số 287, diện tích 9.430m^2, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; diện tích theo đo đạc thực tế là 8.215m^2 có vị trí và số đo các cạnh cụ thể nh- sau: (có sơ đồ kèm theo)

+ Cạnh 1-2 giáp với đất bà Lê Kim Em có số đo 194,00m;

+ Cạnh 2-3 giáp với đất bà Phạm Thị Ba có số đo 44,80m;

+ Cạnh 3-4 giáp đất ông Trương Văn Tính có số đo 184,00m;

+ Cạnh 1-4 giáp Ông Phạm Thanh Hcó số đo 43,00m;

[3] Xét yêu cầu của ông Hùng yêu cầu công nhận tờ di chúc bà Trương Thị Blập ngày 28/10/2007 và yêu cầu bà Ngỡi, anh Công, anh Có, anh Thật trả lại giá trị hai thửa đất số 287, 293 theo giá thị trường là 220 (hai trăm hai mươi) chỉ vàng 24k và yêu cầu bồi thường thiệt hại mất thu nhập từ hai thửa đất trên từ năm 2006 đến nay là 121 (một trăm hai mươi mốt) chỉ vàng 24k, xét yêu cầu trên của ông Hùng là có căn cứ chấp nhận một phần - Bởi trong quá trình xác minh thu thập chứng cứ và toàn bộ các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì được xác định như sau: Vào năm 2001 bà Bảy có lập di chúc cho một phần đất ruộng cho anh Công, anh Có, anh Thật nhưng sau đó bà Bảy không tiếp tục cho nữa mà lấy lại và yêu cầu hủy bỏ biên bản do cán bộ địa chính lập, sau đó Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh ra thông báo số: 42/TB-UB ngày 16/8/2002 về việc hủy bỏ biên bản mà cán bộ địa chính lập theo đơn yêu cầu lập di chúc ngày 09/4/2001 của bà Trương Thị Bảy, sau đó bà Ngỡi và các con bà bao chiếm đất thì bà Bảy khởi kiện bà Ngỡi và anh Công, anh Có, anh Thật, vụ án được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử bằng bản án số: 90/2002/DS-ST ngày 23/7/2002, buộc bà Ngỡi và anh Công, anh Có, anh Thật phải giao trả lại cho bà Bảy thửa đất số 287, diện tích 9.430m^2 và bồi thường thiệt hại 105 giạ lúa, nhưng bà Ngỡi và các con không thi hành mà còn tiếp tục bao chiếm cho nên bà Bảy ủy quyền cho ông Hùng tiếp tục yêu cầu và khiếu nại. Do đó, chứng minh rằng bà Bảy không thể hiện ý chí và nguyện vọng để lại tài sản trên cho bà Ngỡi và các con bà là anh Công, anh Có, anh Thật.

Đến năm 2007 bà Bảy lập tờ di chúc ngày 28/10/2007 để lại cho ông Hùng được thừa kế tài sản gồm nhà cửa, tài sản trong nhà, đất ruộng, đất vườn có tranh chấp với bà Ngỡi mà ông Hùng yêu cầu Tòa án công nhận thì được xác định có nguồn gốc là của bà Bảy (chết năm 2007) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0721725 cấp ngày 20/10/1995 có tổng diện tích là 31.840m^2 đất tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình sử dụng vào năm 2002 thì bà Bảy có chuyển nhượng lại cho ông Trương Văn Tính thửa 293a, diện tích 3.837m^2 và thửa 288a, diện tích 4.243m^2 tờ bản đồ số 07. Sau khi bà Bảy chết vào năm 2008 ông Hùng chuyển nhượng tiếp cho ông

Trương Văn Tính thửa 278, diện tích 5.600m^2, tờ bản đồ số 07. Còn lại hai thửa đất số 293, diện tích 5.073m^2 (theo đo đạc thực tế là 4.100m^2) và thửa đất số 287, diện tích 9.430m^2 (theo đo đạc thực tế là 8.215m^2) mà hiện nay đang tranh chấp với bà Ngỡi và anh Công, anh Có, anh Thật. Qua xem xét tờ di chúc và đối chiếu với quy định của pháp luật thì bà Bảy lập tờ di chúc để lại tài sản cho ông Hùng ngày 28/10/2007 là hoàn toàn hợp pháp thể hiện ý chí và nguyện vọng của bà Bảy, tuy nhiên tại tờ di chúc không xác định rõ diện tích đất ông Hùng được thừa kế cụ thể là bao nhiêu nhưng ngoài tài sản là các diện tích đất mà bà Bảy đã chuyển nhượng cho ông Trương Văn Tính thì còn lại là thửa số 293, diện tích 4.100m^2; và thửa số 287, diện tích là 8.215m^2 tờ bản đồ số 07. Ngoài tài sản là hai thửa đất trên thì bà Bảy không còn diện tích đất nào khác do đó xác định được hai thửa đất trên là tài sản mà thuộc ý chí và nguyện vọng của bà Bảy để thừa kế lại cho ông Hùng trong nội dung tờ di chúc lập ngày 28/07/2007, tài sản trên cũng được các anh chị em của ông Hùng xác nhận là tài sản của bà Bảy và làm văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của bà Bảy chết để lại, không yêu cầu chia thừa kế và cũng không có tranh chấp gì, để cho ông Hùng tòan quyền quyết định.

Ông Hùng xác định vào năm 2002 bà Bảy chuyển nhượng lại cho ông Trương Văn Tính một phần diện tích của thửa 288, tờ bản đồ số 07 thành thửa 288a, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.243m^2 và phần còn lại của thửa 288 có diện tích chung 7.540m^2 hiện tại Bà Phạm Thị Tđang thuê của ông canh tác. Ông Hùng xác định không có tranh chấp, không yêu cầu gì đối với thửa đất trên và bà Tú cũng xác định không yêu cầu và không tranh chấp, tuy nhiên diện tích đất trên vẫn nằm trong tờ di chúc mà bà Bảy để lại cho ông Hùng.

Tờ di chúc bà Bảy lập ngày 28/10/2007 âm lịch nhưng trên giấy chứng tử xác định bà Bảy chết vào ngày 12/11/2007 nhưng không ghi rõ là ngày âm lịch hay dương lịch. Nếu ngày 12/11/2007 là ngày dương lịch thì bà Bảy chết nhằm ngày 03/10/2007 âm lịch là trước khi bà Bảy lập tờ di chúc ngày 28/10/2007 âm lịch. Tuy nhiên qua xác minh thu thập chứng cứ xác định được bà Bảy chết vào ngày 12/11/2007 là ngày âm lịch nhưng do khi đăng ký khai tử thì cán bộ hộ tịch sơ suất không ghi rõ là ngày gì. Mặc khác khi bà Bảy còn sống ông Hùng có cầm tờ di chúc đến Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú thưa kiện nhiều lần. Tại phiên tòa ông Hùng cũng khai rằng ngày giỗ của bà Bảy là ngày 12/11 âm lịch hàng năm và qua xác minh trên mộ bia bà Bảy hiện nay cũng ghi ngày bà Bảy chết là ngày 12/11/2007 âm lịch. Do đó chứng minh được rằng tờ di chúc lập ngày 28/10/2007 âm lịch là được bà Bảy lập trước khi chết.

Mặc khác, qua xác minh thu thập chứng cứ những người làm chứng ký tên chứng kiến tờ di chúc bà Bảy lập ngày 28/10/2007 cho ông Hùng đều xác định tại thời điểm bà Bảy lập di chúc cho tài sản cho ông Hùng thì bà Bảy vẫn còn minh mẫn, ý chí nguyện vọng bà Bảy cho lại tài sản cho ông Hùng là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Do đó, yêu cầu của ông Hùng là yêu cầu công nhận tờ di chúc bà Trương Thị Blập ngày 28/10/2007 là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông Hùng là yêu cầu bà Ngỡi và anh Công, anh Có, anh Thật trả lại giá trị hai thửa đất số 287, 293 theo giá thị trường - xét yêu cầu trên của ông Hùng là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp bởi qua xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc thì xác định bà Ngỡi và anh Có, anh Công, anh Thật đã xây dựng nhà kiên cố trên phần đất tranh chấp theo chứng thư thẩm định giá công trình xây dựng có tổng giá trị là 841.205.000 đồng, nếu buộc di dời nhà trả lại phần diện tích đất trên cho ông Hùng sẽ gây thiệt hại mất đi giá trị sử dụng, làm thiệt thòi đến quyền lợi cho bà Ngỡi và các con của bà. Do đó, cần giữ nguyên hiện trạng căn nhà và toàn bộ kiến trúc trên đất và diện tích đất cho bà Ngỡi, anh Công, anh Có, anh Thật được toàn quyền sử dụng (có chứng thư định giá và trích đo địa chính kèm theo). Xử buộc bà Ngỡi và anh Công, anh Có, anh Thật hoàn trả lại cho ông Hùng giá trị tài sản là thửa số 293, diện tích 4.100m^2 và thửa số 287,diện tích là 8.215m^2 tờ bản đồ số 07 là hoàn toàn phù hợp.

Tại chứng thư định giá số: 21/CT–ĐGBĐS/KGRE ngày 06/3/2015 của Công ty cổ phần bất động sản Kiên Giang, giá trị hai thửa đất số 293, diện tích 4.100m^2 và thửa số 287, diện tích là 8.215m^2 tờ bản đồ số 07 là 566.490.000 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Do chứng thư hết hạn theo quy định và tại biên bản thỏa thuận giá trị tranh chấp ngày 13/7/2018 thì ông Hùng cũng thống nhất giá trị theo chứng thư định giá để làm cơ sở giải quyết vụ án không yêu cầu định giá lại, còn bà Ngỡi, anh Công, anh Có, anh Thật đã được triệu tập hợp lệ để tiến hành thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp nhưng vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 21/CT-ĐGBĐS/KGRE ngày 06/3/2015 của Công ty cổ phần bất động sản Kiên Giang để làm cơ sở giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp. Do đó, xét thấy ông Hùng yêu cầu bà Ngỡi và anh Công, anh Có, anh Thật trả lại giá trị hai thửa đất trên theo giá thị trường là 220 (hai trăm hai mươi) chỉ vàng 24k và yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập từ hai thửa đất trên từ năm 2006 đến nay là 121 (một trăm hai mươi mốt) chỉ vàng 24k là không có căn cứ chấp nhận do ông Hùng tự đặt ra giá trị trên là hoàn toàn không phù hợp với giá trung bình ở địa phương và không phù hợp với giá thẩm định do đó có căn cứ buộc bà Ngỡi và anh Công, anh Có, anh Thật hoàn trả lại giá trị hai thửa đất trên cho ông Hùng là 566.490.000 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) theo chứng thư định giá số: 21/CT–ĐGBĐS/KGRE ngày 06/3/2015 của Công ty cổ phần bất động sản Kiên Giang là hoàn toàn phù hợp.

Xét yêu của ông Hùng là yêu cầu bà Ngỡi và anh Công, anh Có, anh Thật bồi thường tiền mất thu nhập từ hai thửa đất trên từ năm 2006 đến nay là 121 (một trăm hai mươi mốt) chỉ vàng 24k là có căn cứ chấp nhận một phần - bởi sau khi bà Bảy chết thì bà Ngỡi và các con bà tiếp tục bao chiếm hai thửa đất trên cho đến ngày 28/10/2007 bà Bảy lập di chúc để lại tài sản trên cho ông Hùng. Nay Tòa án công nhận tờ di chúc trên là hợp pháp cho ông Hùng thì ông Hùng có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại mất thu nhập trên phần đất tranh chấp, sau khi bà Bảy chết ngày 12/11/2007 thì tờ di chúc mới có giá trị pháp lý nên xét thấy thiệt hại xảy ra bắt đầu từ năm 2008 là hoàn toàn hợp lý, giá thuê đất hàng năm qua xác minh

trung bình từ 2.500.000 đồng – 3.000.000 đồng/công/năm, tại phiên tòa ông Hùng cũng đồng ý bồi thường thiệt hại theo giá thuê đất là 2.500.000 đồng/công/năm do đó Hội đồng xét xử thống nhất và chấp nhận một phần yêu cầu của ông Hùng buộc bà Ngỡi và anh Công, anh Có, anh Thật phải bồi thường thiệt hại mất thu nhập trên hai thửa đất 287, diện tích 8.215m^2 và thửa 293, diện tích 4.100m^2 từ năm 2008 cho đến nay là 13 năm. Cụ thể diện tích 8.215m^2 + 4.100m^2 = 12.315m^2 tương đương 10 công tầm 3 mét: 10 công x 2.500.000 đồng/công/năm x 13 năm = 325.000.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Ngỡi xác định bà Bảy trước đây để lại phần diện tích đất ruộng cho các con của bà là Phạm Hoàng Có, Phạm Thành Công, Phạm Sự Thật và phần đất thổ vườn thì bà Bảy để lại cho bà và các con vì từ trước đến nay bà và các con cùng chung sống với bà Bảy và hiện nay vẫn thờ cúng bà Bảy, ông Hùng cũng được bà Bảy chia đất và đã chuyển nhượng cho người khác hết. Nay ông Hùng khởi kiện yêu cầu bà và các con của bà trả lại giá trị đất 220 (hai trăm hai mươi) chỉ vàng 24k và bồi thường mất thu nhập trên đất là 121 (một trăm hai mươi mốt) chỉ vàng 24k thì bà không đồng ý. Vì đây là tài sản bà Bảy để lại cho bà và các con bà, nay bà yêu cầu công nhận diện tích đất hiện đang tranh chấp là tài sản thuộc quyền sử dụng của bà và các con bà. Tòa án ra thông báo số 11/TB-TA ngày 21/5/2018 thông báo về việc làm đơn yêu cầu phản tố và tống đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng hết thời hạn quy định phía bị đơn không có ý kiến bằng văn bản cho yêu cầu phản tố nên Tòa án không có căn cứ xem xét.

[4] Từ cơ sở nhận định và phân tích ở trên Hội đồng xét xử nghị nên:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Phạm Thanh Hđối với bị đơn Bà Lê Thị Ng, Anh Phạm Thành C, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Sự T.

- Công nhận tờ di chúc bà Trương Thị Blập ngày 28/10/2007 cho Ông Phạm Thanh Hthừa kế tài sản gồm: Thửa đất số 293, diện tích theo đo đạc thực tế là 4.100m^2; thửa đất số 287, diện tích theo đo đạc thực tế là 8.215m^2 và gồm thửa không tranh chấp là thửa 288, phần diện tích còn lại của tổng diện tích 7.540m^2 do năm 2002 bà Bảy đã chuyển nhượng cho ông Trương Văn Tính diện tích 4.243m^2, thuộc thửa 288a được đánh biến động theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Bảy đứng tên thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T hoàn trả giá trị hai thửa đất 287, 293 cho Ông Phạm Thanh Hsố tiền là 566.490.000 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) và bồi thường thiệt hại mất thu nhập trên hai thửa đất trên với số tiền là 325.000.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Tổng cộng là 891.490.000 đồng (tám trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng)

- Xử giao cho Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T được quyền sử dụng thửa đất số 287, diện tích theo đo đạc thực tế 8.215m^2 và thửa đất số 293, diện tích theo đo đạc thực tế 4.100m^2 có vị trí và số đo các cạnh cụ thể: (có sơ đồ kèm theo) và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[5] Án phí, chi phí tố tụng:

- *Về án phí:* Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Hùng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Hùng đã nộp là 15.626.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 04192 ngày 08/8/2011 và 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 00535 ngày 16/11/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Hùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số vàng nhiều hơn phần được chấp nhận yêu cầu trả giá trị đất 220 (hai trăm hai mươi) chỉ vàng 24k, bồi thường thiệt hại 121 (một trăm hai mươi mốt) chỉ vàng 24k tổng cộng là 341 (ba trăm bốn mươi mốt) chỉ vàng 24k x 4.460.000 đồng/chỉ = 1.520.860.000 đồng - 891.490.000 đồng = 629.370.000 đồng, cụ thể:

[(400.000.000 đồng = 20.000.000 đồng) + 229.370.000 đồng x 4 % = 9.174.800 đồng] = 29.174.800 đồng, nhưng do ông Hùng là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Bà Ngỡi, anh Có, anh Công, anh Thật phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là 891.490.000 đồng cụ thể: [(800.000.000 đồng = 36.000.000 đồng) + 91.490.000 đồng x 3% = 2.744.700 đồng] = 38.744.700 đồng, như vậy mỗi người phải chịu án phí 9.686.175 đồng, làm tròn 9.686.000 đồng (chín triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng), bà Ngỡi là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định.

- *Về chi phí tố tụng:*

* *Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*: Bà Ngỡi, anh Có, anh Công, anh Thật phải chịu số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 514.000 đồng (năm trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007936, ngày 19/12/2014 và 452.000 đồng (bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007935, ngày 19/12/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Kiên Giang - chi nhánh huyện Giồng Riềng ông Hùng đã nộp xong. Bà Ngỡi, anh Có, anh Công, anh Thật có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền trên cho ông Hùng.

* *Về chi phí định giá:* Bà Ngỡi, anh Có, anh Công, anh Thật phải chịu số tiền định giá tài sản là 3.736.000 đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000351 ngày 20/3/2015 của Công ty Cổ phần bất động

sản Kiên Giang, ông Hùng đã nộp xong. Bà Ngỡi, anh Có, anh Công, anh Thật có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền trên cho ông Hùng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng và nội dung của của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng theo quy định, đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định pháp luật. Tuy nhiên cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chậm gửi hồ sơ cho Viện Kiểm Sát. Tòa án sẽ khắc phục, sửa chữa vi phạm trên theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Dựa trên những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát Đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Phạm Thanh Hđối với bị đơn Bà Lê Thị Ng và Anh Phạm Thành C, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Sự T.

- Công nhận tờ di chúc bà Trương Thị Blập ngày 28/10/2007 cho Ông Phạm Thanh Hthừa kế tài sản gồm: Thửa số 293, diện tích theo đo đạc thực tế là 4.100m2; thửa số 287, diện tích theo đo đạc thực tế là 8.215m2, tờ bản đồ số 07 và gồm thửa không tranh chấp là thửa 288, tờ ban 3đồ số 07, phần còn lại của diện tích 7.540m^2 do năm 2002 bà Bảy chuyển nhượng cho ông Trương Văn Tính 4.243m^2, thuộc thửa 288a được đánh biến động theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Bảy đứng tên.

- Buộc Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T hoàn trả giá trị hai thửa đất số 287 và 293 cho Ông Phạm Thanh Hsố tiền theo chứng thư thẩm định.

- Buộc Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T bồi thường thiệt hại mất thu nhập trên hai thửa đất số 287 và 293 cho Ông Phạm Thanh Htừ năm 2008 cho đến nay theo giá thuê đất là 2.500.00 đồng/công/năm.

- Giao cho Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T được quyền sử dụng thửa đất 287, diện tích đất ruộng 9.430m^2 và thửa đất 293, diện tích đất vườn 5.073m^2 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch và chi phí tố tụng chi phí đo vẽ và thẩm định giá tài sản. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; khoản 6 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 269; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 646, 650, 652, 653, 654, 656 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Phạm Thanh Hđối với bị đơn Bà Lê Thị Ng, Anh Phạm Thành C, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Sự T.

- Công nhận tờ di chúc bà Trương Thị Blập ngày 28/10/2007 cho Ông Phạm Thanh Hthừa kế tài sản gồm: Thửa đất số 293, diện tích theo đo đạc thực tế là 4.100m^2; thửa đất số 287, diện tích theo đo đạc thực tế là 8.215m^2 và gồm thửa không tranh chấp là thửa 288, phần diện tích còn lại của tổng diện tích 7.540m^2 do năm 2002 bà Bảy đã chuyển nhượng cho ông Trương Văn Tính diện tích 4.243m^2, thuộc thửa 288a được đánh biến động theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Bảy đứng tên thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T hoàn trả giá trị hai thửa đất số 287 và 293 cho Ông Phạm Thanh Hsố tiền là 566.490.000 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng), bồi thường thiệt hại mất thu nhập trên hai thửa đất trên từ năm 2008 cho đến nay là 13 năm với số tiền là 325.000.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng là 891.490.000 đồng (tám trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

- Giao cho Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T được quyền sử dụng thửa đất ruộng số 287, diện tích 9.430m^2, thửa đất vườn số 293, diện tích 5.073m^2 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/9/2014 và theo trích đo địa chính số: TĐ 4213- 2014(293-07) và TĐ 4212- 2014(287-07) ngày 04/11/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Kiên Giang - chi nhánh huyện Giồng Riềng

* Thửa đất số 293, diện tích 5.073m^2, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; diện tích theo đo đạc thực tế là 4.100m^2 có vị trí và số đo các cạnh cụ thể nh- sau: (có sơ đồ kèm theo)

+ Cạnh 1-2 giáp với đất bà Phạm Thị Ba (Triệu) có số đo 63,50m;

+ Cạnh 2-3 giáp với đất bà Lê Kim Em và Phạm Thanh Hùng có số đo 66,40m;

+ Cạnh 3-4 giáp đất ông Trương Văn Tính có số đo 62,00m;

+ Cạnh 1-4 giáp Kênh Ngọc Sáu Đa có số đo 64,50m;

* Thửa đất số 287, diện tích 9.430m^2, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; diện tích theo đo đạc thực tế là 8.215m^2 có vị trí và số đo các cạnh cụ thể nh- sau: (có sơ đồ kèm theo)

+ Cạnh 1-2 giáp với đất bà Lê Kim Em có số đo 194,00m;

+ Cạnh 2-3 giáp với đất bà Phạm Thị Ba có số đo 44,80m;

+ Cạnh 3-4 giáp đất ông Trương Văn Tính có số đo 184,00m;

+ Cạnh 1-4 giáp Ông Phạm Thanh Hcó số đo 43,00m;

Khi Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T có yêu cầu, buộc Ông Phạm Thanh Hphải tách giấy và chuyển quyền sử dụng đất cho bà Ngỡi, anh Công, anh Có, anh Thật đối với thửa số 287, diện tích theo đo đạc thực tế 8.215m^2 và thửa số 293, diện tích theo đo đạc thực tế 4.100m^2, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0721725 được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/10/1995 do bà Trương Thị Bđứng tên. Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T có nghĩa vụ thực hiện thủ tục chuyển quyền và nộp các chi phí chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Ông Phạm Thanh Hkhông thực hiện và khi Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T có yêu cầu, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0721725 điều chỉnh và cấp lại cho Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T thửa đất số 287, diện tích 8.215m^2 và hửa đất số 293, diện tích 4.100m^2 tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp Danh Thợi, xã Vĩnh Phú, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo trích đo địa chính số: TĐ 4213-

2014(293-07) và TĐ 4212- 2014(287-07) ngày 04/11/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Kiên Giang – chi nhánh huyện Giồng Riềng.

2. Án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí:

Ông Phạm Thanh Hkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ông Phạm Thanh HHùng đã nộp là 15.626.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 04192 ngày 08/8/2011 và 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 00535 ngày 16/11/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Phạm Thanh Hphải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số vàng nhiều hơn phần được chấp nhận yêu cầu trả giá trị đất 220 (hai trăm hai mươi) chỉ vàng 24k, bồi thường thiệt hại 121 (một trăm hai mươi mốt) chỉ vàng 24k tổng cộng là 341 (ba trăm bốn mươi mốt) chỉ vàng 24k x 4.460.000 đồng/chỉ = 1.520.860.000 đồng - 891.490.000 đồng = 629.370.000 đồng, cụ thể:

[(400.000.000 đồng = 20.000.000 đồng) + 229.370.000 đồng x 4 % = 9.174.800 đồng] = 29.174.800 đồng, nhưng do ông Hùng là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là 891.490.000 đồng cụ thể: [(800.000.000 đồng = 36.000.000 đồng) + 91.490.000 đồng x 3% = 2.744.700 đồng] = 38.744.700 đồng, như vậy mỗi người phải chịu án phí 9.686.175 đồng (chín triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng). Do Bà Lê Thị Ng là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định.

- Về chi phí tố tụng:

* *Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*: Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T phải chịu số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 514.000 đồng (năm trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007936, ngày 19/12/2014 và 452.000 đồng (bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007935, ngày 19/12/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Kiên Giang - chi nhánh huyện Giồng Riềng, Ông Phạm Thanh Hđã nộp xong. Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền trên cho ông Phạm Thanh Hùng.

* *Về chi phí định giá:* Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T phải chịu số tiền định giá tài sản là 3.736.000 đồng (ba triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000351 ngày 20/3/2015 của Công ty Cổ phần bất động sản Kiên Giang, Ông Phạm Thanh Hđã nộp xong. Bà Lê Thị Ng, anh Phạm Hoàng Có, Anh Phạm Thành C, Anh Phạm Sự T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền trên cho ông Phạm Thanh Hùng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 02/3/2020, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm